

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT
HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2018 – 2019**

Bậc đào tạo: Cao đẳng (C1)

Học phần: Hành vi tổ chức

Lớp: 18C1-QTD1_2 Ngày thi: 12 / 7 / 2019

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 362

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 50 câu, mỗi câu 0,2 điểm.

1. Phản ứng của nhân viên khi bất mãn tổ chức
 - a. Rời bỏ tổ chức, góp ý tích cực và xây dựng, làm cho tình hình tồi tệ.
 - b. Làm cho tình hình tốt hơn, góp ý tích cực và xây dựng, rời bỏ tổ chức
 - c. Góp ý tích cực và xây dựng, tăng năng suất lao động, thuyên chuyển
 - d. Tất cả đều sai
2. Nhân tố nào quyết định đến sự hài lòng trong công việc
 - a. Công bằng trong khen thưởng
 - b. Công việc phù hợp với tính cách
 - c. Đồng nghiệp ủng hộ
 - d. Tất cả đều đúng
3. Nhận thức là một quá trình qua đó cá nhân tổ chức sắp xếp và diễn giải những ấn tượng giác quan của mình để tìm hiểu môi trường xung quanh
 - a. Sai
 - b. Đúng
4. Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức
 - a. Suy nghĩ, mục tiêu, tình huống
 - b. Óc nhận thức, suy nghĩ, tình huống
 - c. Óc nhận thức, suy nghĩ, mục tiêu
 - d. Óc nhận thức, mục tiêu, tình huống
5. Mô hình ra quyết định gồm
 - a. 5 bước
 - b. 7 bước
 - c. 6 bước
 - d. 8 bước
6. Các nhân tố tình huống ảnh hưởng đến nhận thức
 - a. Thời gian, môi trường xã hội, môi trường làm việc
 - b. Môi trường làm việc, môi trường xã hội, kỳ vọng
 - c. Thời gian, thái độ, môi trường làm việc
 - d. Môi trường làm việc, môi trường xã hội, thái độ
7. Bước nào dưới đây không nằm trong các bước ra quyết định
 - a. Xác định vấn đề
 - b. Tăng tính sáng tạo khi ra quyết định

- c. Đánh giá các giải pháp
 - d. Phát triển các giải pháp
8. Trong một tổ chức, cá nhân ra quyết định thường gặp phải những hạn chế
- a. Thời gian
 - b. Hệ thống khen thưởng
 - c. Theo lối cũ
 - d. Tất cả đều đúng
9. Động viên là tinh thần sẵn sàng cố gắng ở mức cao vì mục tiêu của cá nhân, với điều kiện một số nhu cầu cá nhân được thỏa mãn dựa trên khả năng nỗ lực.
- a. Sai
 - b. Đúng
10. Học thuyết Y về động viên giả định
- a. Nhân viên lười nhác, vô trách nhiệm, và phải cưỡng bức làm việc
 - b. Tất cả đều đúng
 - c. Nhân viên thích làm việc, sáng tạo, có trách nhiệm và có thể tự điều khiển mình
 - d. Tất cả đều sai
11. Học thuyết hai nhân tố về động viên gồm
- a. Yếu tố nội tại và yếu tố cá nhân
 - b. Yếu tố nội tại và yếu tố bên ngoài
 - c. Yếu tố cá nhân và yếu tố bên ngoài
 - d. Tất cả đều sai
12. Tính cách hướng ngoại là:
- a) Có óc tưởng tượng, nhạy cảm về nghệ thuật.
 - b) Bình tĩnh, nhiệt tình, chắc chắn.
 - c) Dễ hội nhập, hay nói, quyết đoán.
 - d) Tất cả đều sai.
13. Người lao động có thể được động viên thông qua sự tham gia vào
- a. Xác định mục tiêu trong tổ chức
 - b. Giải quyết các vấn đề trong tổ chức
 - c. Ra quyết định trong tổ chức
 - d. Tất cả đều đúng
14. Học thuyết nhu cầu của McClelland cho rằng nhu cầu của con người có
- a. 3 nhu cầu cơ bản: tồn tại, quan hệ và phát triển
 - b. 5 nhu cầu: sinh lý, an toàn, xã hội, được tôn trọng và tự nhận biết
 - c. 3 nhu cầu cơ bản: hoàn thành, quyền lực, liên minh
 - d. Tất cả đều sai
15. Động viên xảy ra khi
- a. Nhu cầu không được thỏa mãn → dẫn dắt → áp lực → tìm kiếm hành vi → thỏa mãn nhu cầu
 - b. Nhu cầu không được thỏa mãn → áp lực → cố gắng → tìm kiếm hành vi → thỏa mãn nhu cầu
 - c. Nhu cầu không được thỏa mãn → tìm kiếm hành vi → dẫn dắt → áp lực → thỏa mãn nhu cầu
 - d. Nhu cầu không được thỏa mãn → dẫn dắt → tìm kiếm hành vi → áp lực → thỏa mãn nhu cầu.
16. Trong học thuyết công bằng, nhân viên có thể áp dụng dạng so sánh
- a. Tự so sánh bên trong tổ chức
 - b. Tự so sánh bên ngoài tổ chức
 - c. So sánh những người khác bên trong tổ chức và bên ngoài tổ chức
 - d. Tất cả đều đúng
17. Nhóm là hai hay nhiều cá nhân, có tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau, nhưng mục tiêu của mỗi thành viên trong nhóm là khác nhau

- a. Sai
 - b. Đúng
18. Nhóm được phân thành
- a. Nhóm chính thức và nhóm bạn bè
 - b. Nhóm chính thức và nhóm không chính thức
 - c. Nhóm chính thức và nhóm lợi ích
 - d. Nhóm nhiệm vụ và nhóm không chính thức
19. Những liên minh hình thành một cách tự nhiên từ môi trường công việc trên cơ sở những quan hệ thể hiện sự thụ cảm giữa các cá nhân được gọi là
- a. Nhóm nhiệm vụ
 - b. Nhóm không chính thức
 - c. Nhóm chỉ huy
 - d. Tất cả đều sai
20. Lý do tham gia vào một nhóm
- a. Sự an toàn
 - b. Địa vị
 - c. Tương tác và liên minh
 - d. Tất cả đều đúng
21. Quá trình hình thành nhóm có mấy giai đoạn
- a. 4
 - b. 6
 - c. 5
 - d. 7
22. Ở giai đoạn nào nhóm có những quan hệ gắn bó, gắn gũi phát triển và cấu trúc nhóm rõ ràng
- a. Giai đoạn thực hiện
 - b. Giai đoạn hình thành các chuẩn mực
 - c. Giai đoạn bảo tổ
 - d. Giai đoạn chuyển tiếp
23. Ở giai đoạn của nhóm việc thực hiện tốt nhiệm vụ không còn là ưu tiên hàng đầu của nhóm nữa. Thay vào đó các thành viên chỉ nghĩ đến các công việc.
- a. Giai đoạn thực hiện
 - b. Giai đoạn hình thành các chuẩn mực
 - c. Giai đoạn bảo tổ
 - d. Giai đoạn chuyển tiếp
24. Chuẩn mực chung của nhóm rất quan trọng vì
- a. Tạo ra sự tồn tại của nhóm
 - b. Cho phép thành viên nhóm thể hiện giá trị trung tâm của nhóm và làm rõ sự khác biệt về tồn tại của nhóm
 - c. Giảm các vấn đề rắc rối trong quan hệ giữa các thành viên nhóm
 - d. Tất cả đều đúng
25. Ra quyết định theo nhóm sẽ có những ưu điểm ngoại trừ
- a. Thông tin và kiến thức đầy đủ hơn
 - b. Tốn nhiều thời gian
 - c. Nhiều quan điểm khác nhau
 - d. Quyết định đề ra chính xác hơn.
26. Ra quyết định trong nhóm có thể áp dụng kỹ thuật
- a. Động não
 - b. Các nhóm tương tác với nhau

- c. Hợp điện tử
d. Tất cả đều có thể áp dụng
27. Lãnh đạo là
- Khả năng ảnh hưởng một nhóm hướng tới thực hiện mục tiêu
 - Tất cả đều đúng
 - Sử dụng quyền lực có được từ hệ thống quản lý chính thức để đạt được sự tuân thủ của các thành viên trong tổ chức.
 - Tất cả đều sai
28. Học thuyết lãnh đạo theo tình huống cho rằng lãnh đạo có thể được đào tạo
- Sai
 - Đúng
29. Quyền lực là khả năng mà người A ảnh hưởng đến hành vi của người B, từ đó người B hành động phù hợp với mong muốn của A
- Sai
 - Đúng
30. Trong mô hình của Fiedler, khi người lãnh đạo nằm trong tình huống II, phong cách lãnh đạo nào được chú trọng nhiều hơn?
- Hướng tới nhân viên
 - Tất cả đều đúng
 - Hướng tới công việc
 - Tất cả đều sai
31. Theo lý thuyết của Hersey và Blanchard về lãnh đạo khi nhân viên không có khả năng và không sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm cho một việc nào đó, thì người lãnh đạo cần có hành vi
- Chỉ đạo (nhiệm vụ cao-quan hệ thấp)
 - Tham gia (nhiệm vụ thấp-quan hệ cao)
 - Hướng dẫn (nhiệm vụ cao-quan hệ cao)
 - Ủy quyền (nhiệm vụ thấp-quan hệ thấp)
32. Theo lý thuyết của Hersey và Blanchard về lãnh đạo khi nhân viên có khả năng mà không sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm cho một việc nào đó, thì người lãnh đạo cần có hành vi
- Chỉ đạo (nhiệm vụ cao-quan hệ thấp)
 - Tham gia (nhiệm vụ thấp-quan hệ cao)
 - Hướng dẫn (nhiệm vụ cao-quan hệ cao)
 - Ủy quyền (nhiệm vụ thấp-quan hệ thấp)
33. Câu nào dưới đây không thuộc hành vi của người lãnh đạo trong học thuyết đường dẫn-mục tiêu.
- Chỉ đạo
 - Tham gia
 - Kinh nghiệm
 - Hỗ trợ
34. Học thuyết lãnh đạo theo tình huống, trong mô hình của Fiedler, Fiedler cho rằng yếu tố tình huống xác định hiệu quả lãnh đạo là
- Mối quan hệ lãnh đạo-thành viên
 - Quyền lực vị trí
 - Cấu trúc nhiệm vụ
 - Tất cả đều đúng
35. Có mấy dạng quyền lực cơ bản
- 4
 - 6
 - 5

d. 7

36. Quyền lực một người có được như là kết quả từ vị trí của họ trong hệ thống cấp bậc chính thức của một tổ chức thì được coi là dạng quyền lực
- Quyền lực cưỡng bức
 - Quyền lực khen thưởng
 - Quyền lực hợp pháp
 - Quyền lực chuyên môn
37. Một người có khả năng ảnh hưởng người khác nhờ vào những kỹ năng đặc biệt hay là kiến thức của mình là người nắm giữ dạng quyền lực
- Quyền lực cưỡng bức
 - Quyền lực khen thưởng
 - Quyền lực hợp pháp
 - Quyền lực chuyên môn
38. "Xung đột được xem là kết quả tự nhiên và không thể tránh khỏi của bất kỳ một nhóm nào", đây là phát biểu theo
- Quan điểm truyền thống
 - Quan điểm tương tác
 - Quan điểm mối quan hệ con người
 - Tất cả đều sai
39. Xung đột gây trở ngại cho kết quả làm việc của nhóm được coi
- Xung đột không thiết thực
 - a, b đều đúng
 - Xung đột thiết thực
 - Tất cả các câu trên đều sai
40. Quá trình xung đột diễn ra qua mấy giai đoạn
- 3
 - 5
 - 4
 - 6
41. Giai đoạn quyết định hành động theo cách đã đề ra trong quá trình xung đột là giai đoạn
- Tiềm năng chống đối
 - Chủ ý
 - Nhận thức và cá nhân hóa
 - Hành vi
42. Giai đoạn nào có tồn tại hai dạng mâu thuẫn nhận thức và mâu thuẫn cảm nhận
- Tiềm năng chống đối
 - Chủ ý
 - Nhận thức và cá nhân hóa
 - Hành vi
43. Có mấy yếu tố then chốt trong thiết kế tổ chức
- 4
 - 6
 - 5
 - 7
44. Số lượng cấp dưới mà người quản lý có thể điều khiển có hiệu suất và hiệu quả nằm trong yếu tố then chốt nào trong thiết kế tổ chức
- Chuỗi mệnh lệnh
 - Chuyên môn hóa công việc

Thầy Nghĩa - Khoa Kinh Tế

- c. Phạm vi hoạt động
d. Phạm vi kiểm soát.
45. Một cấu trúc tổ chức có đặc điểm phạm vi hóa hoạt động thấp, phạm vi kiểm soát rộng, quyền lực tập trung vào một người duy nhất và ít chính thức hóa là mô hình tổ chức
- a. Cấu trúc đơn giản
b. Cơ cấu ma trận
c. Cơ chế quan liêu
d. Tất cả đều sai
46. Mô hình cơ cấu tổ chức phụ thuộc vào
- a. Chiến lược
b. Công nghệ
c. Môi trường
d. Tất cả đều đúng
47. Những vấn đề nào dưới đây không nằm trong nghiên cứu của hành vi tổ chức ở cấp độ nhóm?
- a. Thiết kế công việc và công nghệ
b. Lãnh đạo
c. Xung đột
d. Quyền lực
48. Các biến độc lập ở cấp độ nhóm bao gồm tất cả ngoại trừ
- a. Quyền lực
b. Truyền thông
c. Giá trị và thái độ
d. Mâu thuẫn
49. Những vấn đề nào dưới đây không nằm trong nghiên cứu của hành vi tổ chức ở cấp độ cá nhân?
- a. Nhận thức
b. Xung đột
c. Động viên
d. Ra quyết định cá nhân
50. Hành vi tổ chức nhắm đến làm thế nào để
- a. Tăng năng suất lao động
b. Tăng sự hài lòng trong công việc cho nhân viên
c. Giảm vắng mặt và chuyển chuyển
d. Tất cả đều đúng

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

BBC DABADCCDC